CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Đầu tư và Phát triển Việt Trung Nam

Ngày 31/03/2025	1,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	**0%**	**5.9%**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	1,500 - 2,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	270
Số lượng CPLH (CP)	150,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	382,860
Sở hữu nước ngoài	0.4%
Beta	
EPS	12
P/E	151.7

DT thuần
Q1/25
0
tỷ VNĐ

LN thuần
Q1/25
-0.53
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.01| 1.3%

LN sau thuế
Q1/25
3.88
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 4.41| 832%
YoY: ▲ 4.42| 818%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25

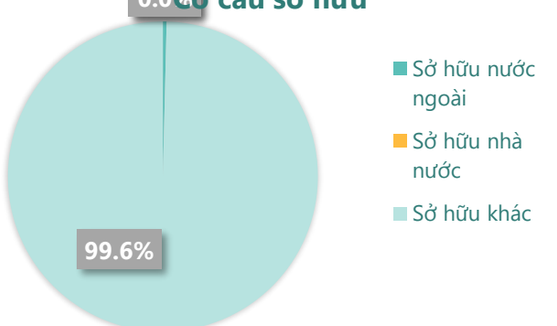
ROE (TTM)
Q1/25
1.3%
YoY: +/-▲ 3.2%

DT thuần
2024
0
tỷ VNĐ

LN thuần
2024
-2.33
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.57| 19.8%

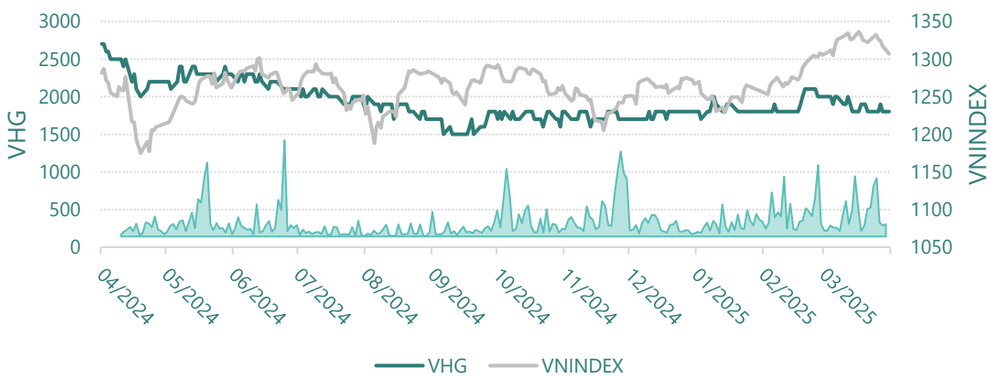
LN sau thuế
2024
-2.33
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.59| -213%

Cơ cấu sở hữu

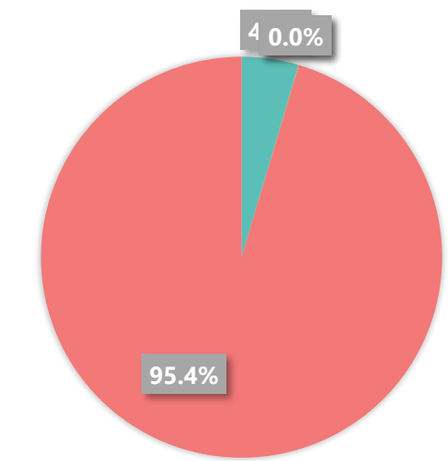


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

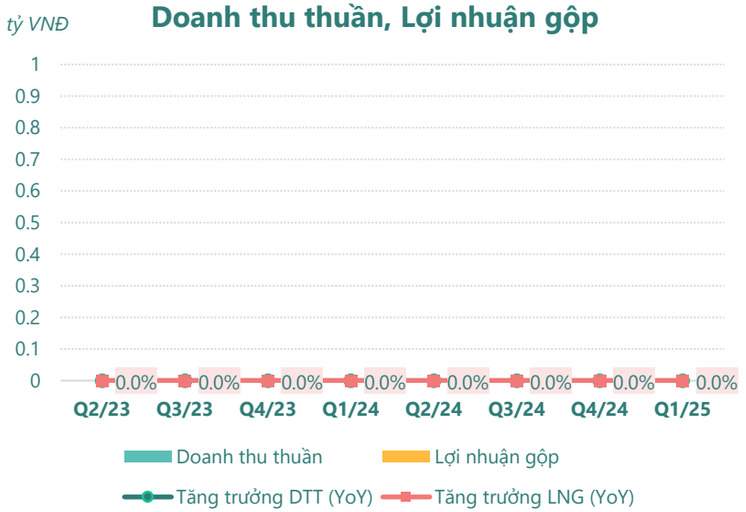




(Nguồn: fireant.vn)

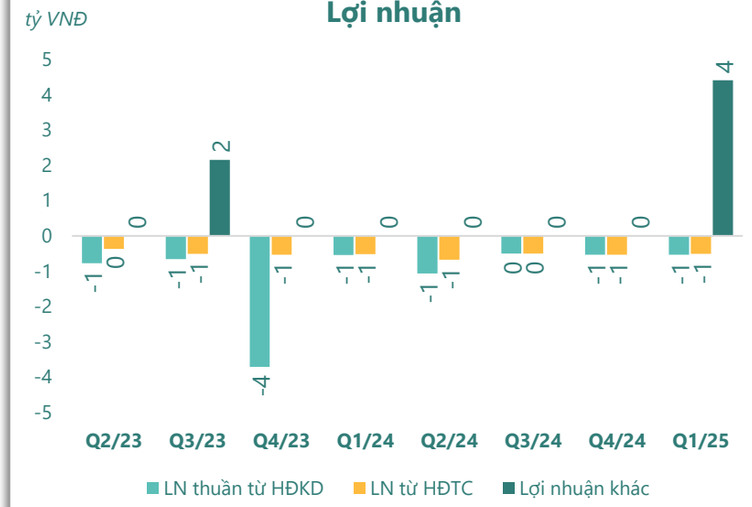
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



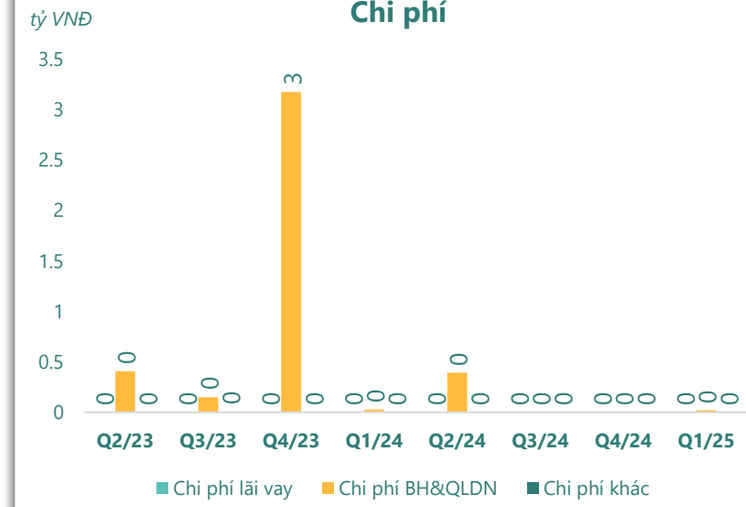
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



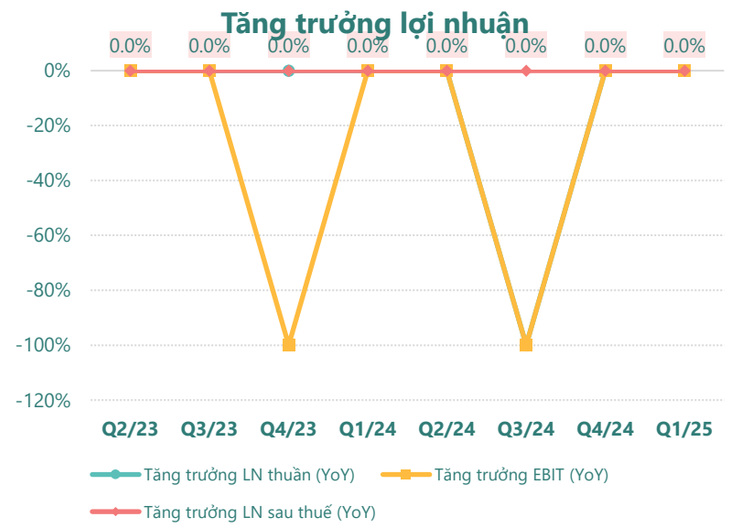
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



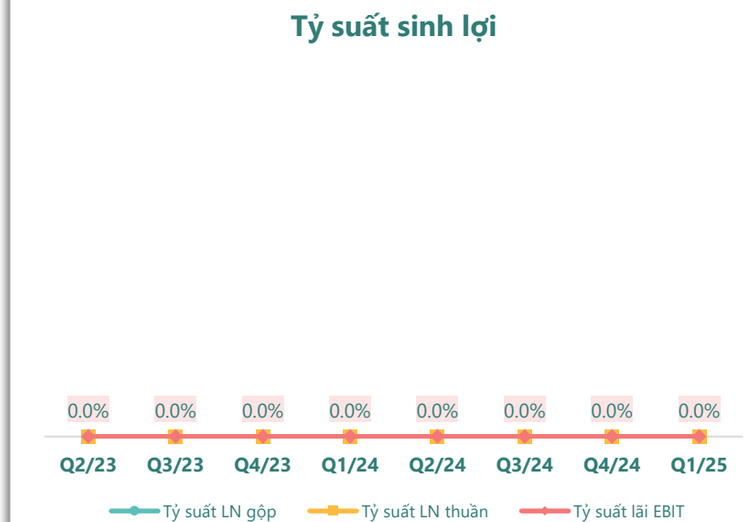
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



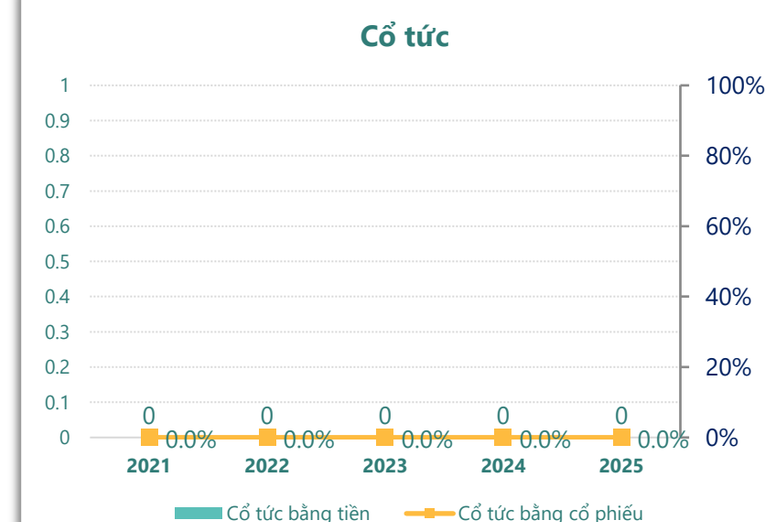
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

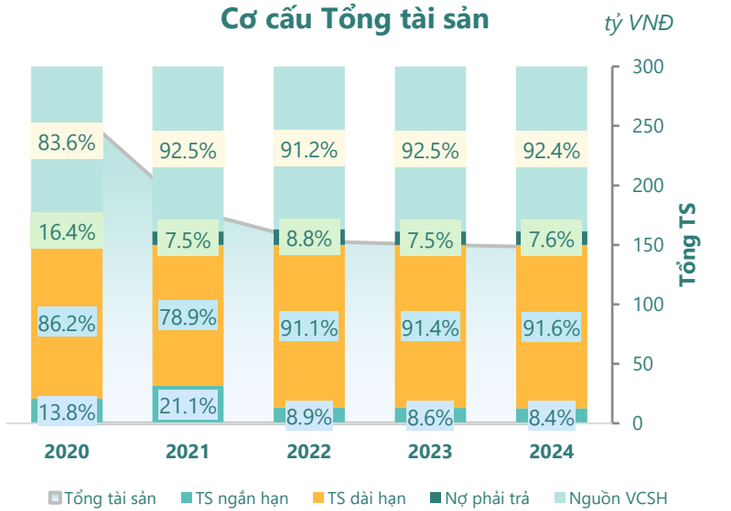
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

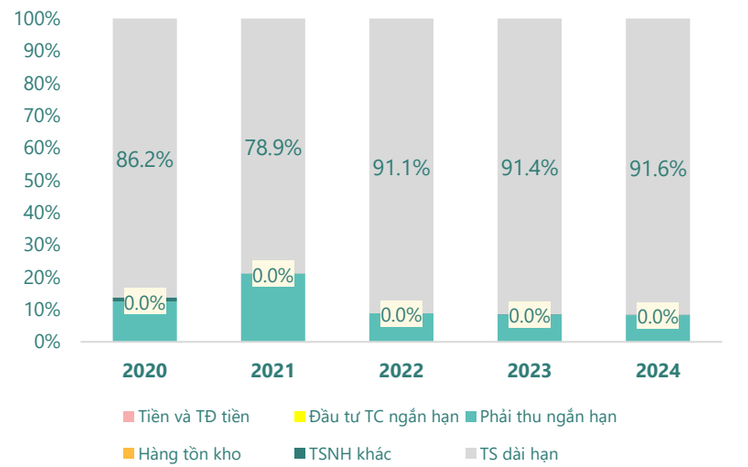
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



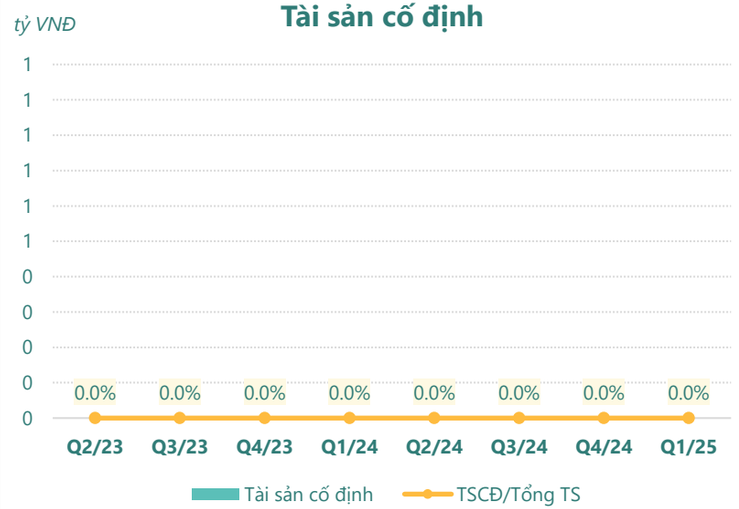
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



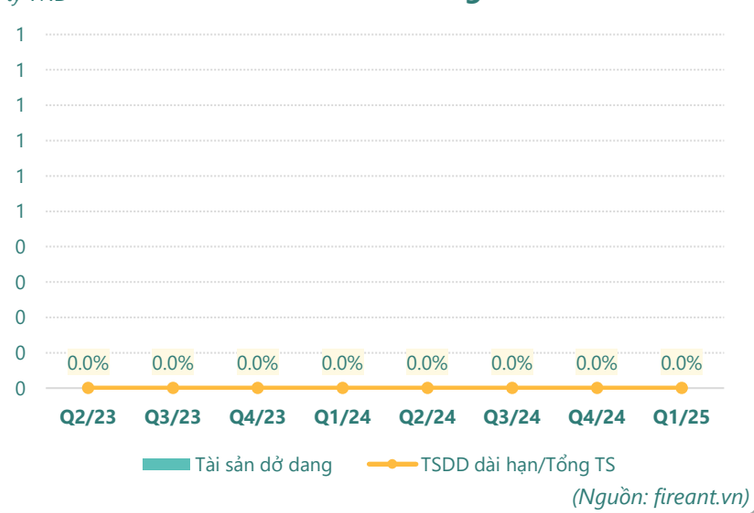
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



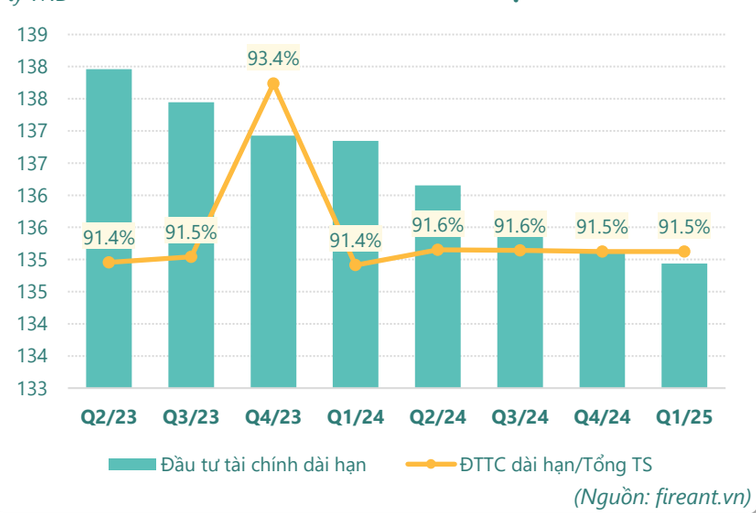
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



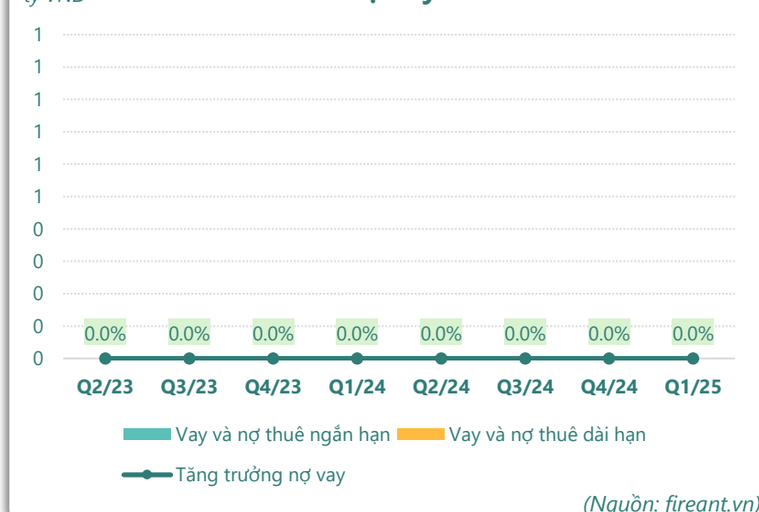
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

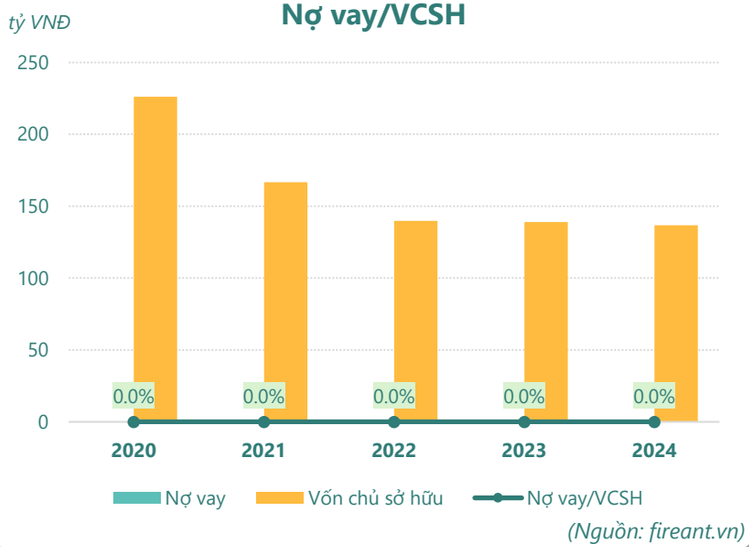
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

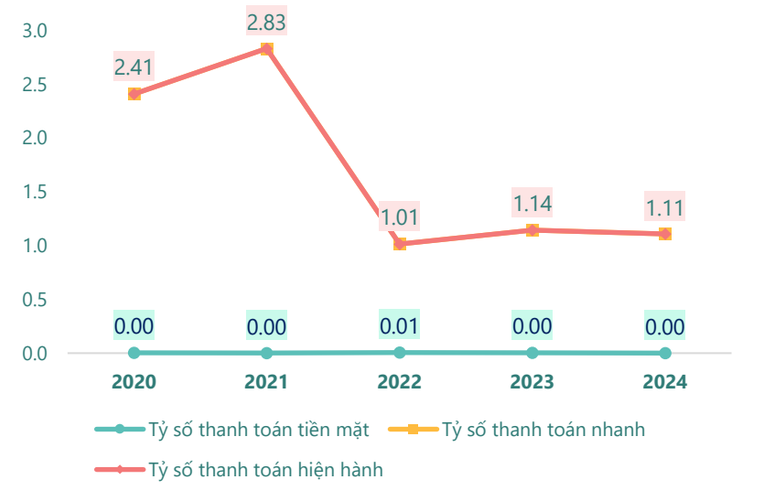
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



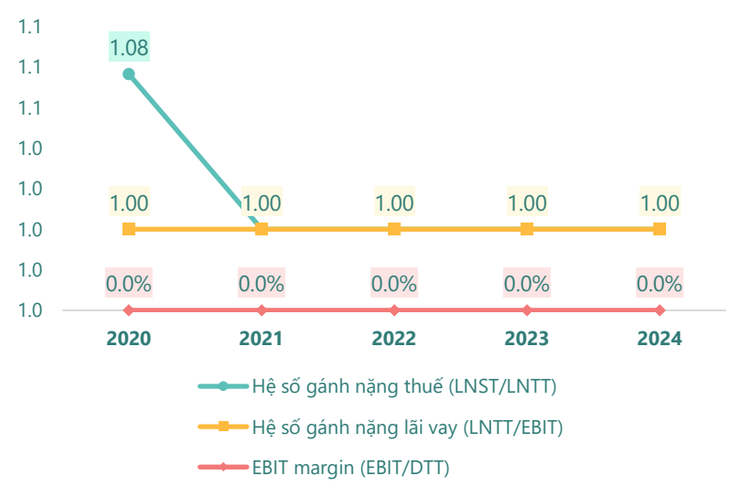
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



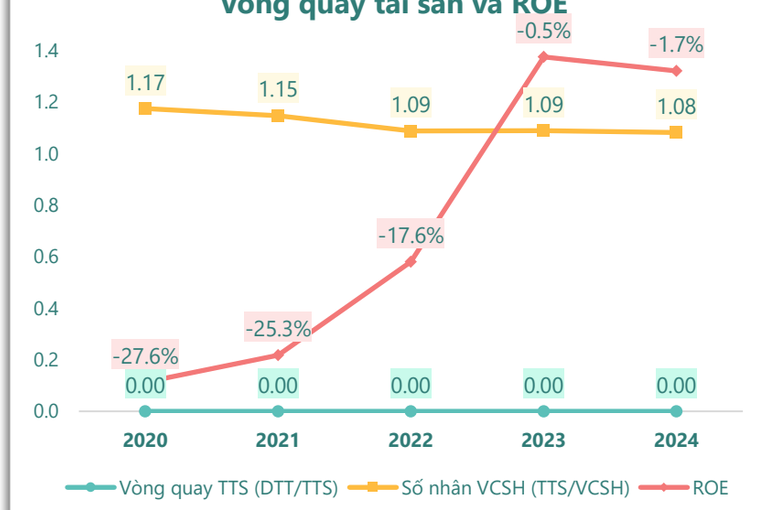
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



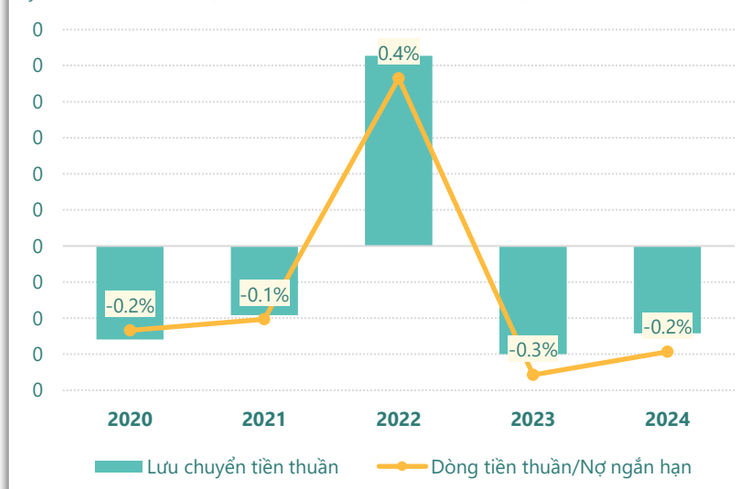
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Giá vốn hàng bán	0	0.00		0	0	
Lợi nhuận gộp	0	0.00		0	0	
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	0	
Chi phí TC	0.51	0.51	0.5%	1.90	2.20	-13.9%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**0.02**	**0.03**	**-32.8%**	**0.43**	**0.70**	**-38.4%**
LN thuần từ HĐKD	-0.53	-0.54	1.3%	-2.33	-2.90	19.8%
Lợi nhuận khác	**4.41**	**0.00**		**0**	**2.16**	**-100%**
LN trước thuế	3.88	-0.54	818%	-2.33	-0.74	-213%
Lợi nhuận sau thuế	**3.88**	**-0.54**	**818%**	**-2.33**	**-0.74**	**-213%**
LNST của CĐ cty mẹ	**3.88**	**-0.54**	**818%**	**-2.33**	**-0.74**	**-213%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.30	0.00	-0.01	0.00	0.00	-0.01
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.30	0.00	0.00	0.00	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0.05	0.04	0.04	0.02	0.02	0.02
Lưu chuyển tiền thuần	**0.00**	**0.00**	**-0.01**	**0.00**	**0.00**	**-0.01**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.04	0.04	0.02	0.02	0.02	0.00

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**147**	**148**	**-0.4%**
Tài sản ngắn hạn	12.5	12.5	-0.1%
Tiền và tương đương tiền	0.00	0.02	-76.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.08	0.07	3.5%
Phải thu ngắn hạn	12.1	12.1	-0.1%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.28	0.28	0.1%
Tài sản dài hạn	**135**	**135**	**-0.4%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	135	135	-0.4%
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	6.87	11.3	-39.1%
Nợ ngắn hạn	**6.87**	**11.3**	**-39.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.81	0.81	0.0%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**141**	**137**	**2.8%**
Vốn chủ sở hữu	**141**	**137**	**2.8%**
Vốn điều lệ	1,500	1,500	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)